

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN 30/06/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hà Giang	Chủ tịch	
Bà Phùng Thị Thanh Giang	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên độc lập	
Ông Đặng Anh Tâm	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 26/04/2025
Ông Trần Hải Anh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 26/04/2025

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27/02/2025
Ông Nguyễn Trọng Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quốc Trung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27/02/2025

Ban Kiểm soát

Bà Lưu Thị Thanh Nga	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Đặng Thị Loan

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành bởi Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Số: 855/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 49 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại thuyết minh số 18 “Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước” - Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2020, Công ty đã nhận được các Quyết định của Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội về việc cưỡng chế thuế và thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Quyết định sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Công ty nộp đủ tiền Thuế, tiền phạt chậm nộp thuế. Đến ngày 30/06/2025, Công ty vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế đã kê khai với cơ quan thuế.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận kiểm toán của Chúng tôi.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		572.261.987.799	673.993.152.613
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	479.968.855	5.677.043.366
Tiền	111		479.968.855	5.677.043.366
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.425.325	1.425.325
Chứng khoán kinh doanh	121		1.425.325	1.425.325
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.098.144.873	275.365.156.208
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	155.563.666.420	264.970.532.489
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	8.253.146.083	8.102.024.060
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	63.403.548.211	63.303.548.211
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	19.175.089.805	18.505.610.487
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(70.378.333.515)	(79.597.586.908)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		81.027.869	81.027.869
Hàng tồn kho	140	11	387.074.617.218	385.604.016.413
Hàng tồn kho	141		388.365.327.659	386.894.726.854
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.290.710.441)	(1.290.710.441)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.607.831.528	7.345.511.301
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	10.526.510	15.158.330
Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.907.461.724	6.640.509.677
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	689.843.294	689.843.294
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		822.787.906.498	721.559.109.604
Các khoản phải thu dài hạn	210		443.858.925.500	456.738.590.250
Phải thu dài hạn khác	216	10	443.858.925.500	456.738.590.250
Tài sản cố định	220		582.971.606	987.377.159
Tài sản cố định hữu hình	221	13	-	287.811.237
- Nguyên giá	222		16.987.745.119	16.987.745.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.987.745.119)	(16.699.933.882)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	582.971.606	699.565.922
- Nguyên giá	225		8.295.428.957	8.295.428.957
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.712.457.351)	(7.595.863.035)
Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		160.000.000	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(160.000.000)	(160.000.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		262.731.958.408	262.731.958.408
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6	262.731.958.408	262.731.958.408
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6	26.846.596.000	26.846.596.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(26.846.596.000)	(26.846.596.000)
Tài sản dài hạn khác	260		115.614.050.984	1.101.183.787
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	115.614.050.984	1.101.183.787
TỔNG TÀI SẢN	270		1.395.049.894.297	1.395.552.262.217

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		711.811.984.508	718.492.564.661
Nợ ngắn hạn	310		553.206.567.042	647.317.065.510
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	90.748.447.565	95.280.709.508
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	8.415.092.167	7.848.976.540
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	62.959.572.190	67.014.552.730
Phải trả người lao động	314		977.611.428	842.726.514
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.073.182.141	1.180.681.094
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	86.160.313.186	206.901.946.818
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	283.817.263.801	250.109.711.779
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	18.055.084.564	18.137.760.527
Nợ dài hạn	330		158.605.417.466	71.175.499.151
Phải trả dài hạn khác	337	15	138.605.417.466	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	20.000.000.000	71.175.499.151
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		683.237.909.789	677.059.697.556
Vốn chủ sở hữu	410	23	683.237.909.789	677.059.697.556
Vốn góp của chủ sở hữu	411		515.000.000.000	515.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		515.000.000.000	515.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.425.992.965	1.425.992.965
Cổ phiếu quỹ	415		(43.500.000)	(43.500.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		42.696.514.304	42.696.514.304
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.954.525.811	20.954.525.811
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		103.204.376.709	97.026.164.476
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		97.026.164.476	152.547.432.090
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.178.212.233	(55.521.267.614)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.395.049.894.297	1.395.552.262.217

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Huyền

Kế toán trưởng



Đặng Thị Loan



Nguyễn Mạnh Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	39.780.028.761	22.976.333.772
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39.780.028.761	22.976.333.772
Giá vốn hàng bán	11	25	39.324.959.384	21.801.814.245
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		455.069.377	1.174.519.527
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	18.454.228.933	300.104.690
Chi phí tài chính	22	27	13.905.564.871	13.539.906.067
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.605.595.116	13.121.056.749
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	(1.990.655.822)	5.919.166.724
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.994.389.261	(17.984.448.574)
Thu nhập khác	31	30	-	86.783.649
Chi phí khác	32	31	816.177.028	5.557.905.233
Lợi nhuận khác	40		(816.177.028)	(5.471.121.584)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.178.212.233	(23.455.570.158)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.178.212.233	(23.455.570.158)
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	33	120	(455)
Lãi/(Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	33	120	(455)

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		6.178.212.233	(23.455.570.158)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		404.405.553	517.807.536
Các khoản dự phòng	03		(9.219.253.393)	(284.619.838)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(18.454.228.933)	(300.104.690)
Chi phí lãi vay	06		13.605.595.116	13.121.056.749
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.485.269.424)	(10.401.430.401)
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		116.206.935.105	(8.838.842.132)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(1.470.600.805)	(6.547.404.598)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.239.027.635	(4.781.846.318)
(Tăng) chi phí trả trước	12		(114.508.235.377)	(1.749.999)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.790.349.214)	(8.283.536.200)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.186.721.125)	(1.992.137.633)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(82.675.963)	(172.435.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.077.889.168)	(41.019.382.837)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000)	(10.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	590.710.303
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(101.397.618.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		106.563.170.046	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.280.719.213	101.385.319
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22.346.271.259	(9.507.904.378)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		135.959.999.997	90.921.406.670
Tiền trả nợ gốc vay	34		(154.272.461.600)	(47.775.319.694)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(152.995.002)	(152.995.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.465.456.605)	42.993.091.974
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	5.677.043.366	8.580.880.619
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	479.968.855	1.046.685.378

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000552, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 10 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Sau đổi thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101184201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 05 năm 2010.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 173, đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2025 là 515.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm mười lăm tỷ đồng) chia thành 51.500.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: LGL.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 33 người (tại ngày 31/12/2024 là 33 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh nhà ở và bất động sản.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty thường trên 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG KỲ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, công ty không phát sinh doanh thu bán bất động sản. Doanh thu kỳ này của Công ty chủ yếu từ hoạt động bán hàng hóa và doanh thu tiền điện nước từ dịch vụ quản lý tòa nhà đối với bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/06/2025, Công ty 03 công ty liên kết và 02 đơn vị trực thuộc:

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần TMDV Nghĩa Đô	Số 1 phố Nghĩa Tân, phường Nghĩa Đô, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	49,46%	49,46%	49,46%
Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	P.903, Tầng 9, Tòa nhà Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản và xây dựng chuyên dụng	48%	48%	48%
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản Rivera Homes	VP8, Tầng 24, Số 173 Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, TP.Hà Nội	Dịch vụ quản lý tòa nhà	49%	49%	49%

Đơn vị trực thuộc:

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 01 chi nhánh trực thuộc và 1 văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	Số nhà 35/11, đường Trần Đình Xu, phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang tại Thành phố Cần Thơ	Lô C, Trần Quang Khải, Khu dân cư phường Cái Khế, phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập là Báo cáo tài chính giữa niên độ của văn phòng Công ty bao gồm số liệu của các chi nhánh.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chứng khoán kinh doanh (tiếp)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập cho từng loại chứng khoán được mua trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

3.8 HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận

Theo các điều khoản thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của Hợp đồng hợp tác. Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thông báo từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này, mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là Hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình;
- Khoản nhận góp từ các đối tác được phân loại là khoản đi vay;
- Các khoản thanh toán cho đối tác (tính trên cơ sở vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được ghi nhận là chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí bán hàng liên quan đến dự án

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản, vật liệu xây dựng và doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê căn hộ và dự án cho thuê xe ô tô được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thiện công việc.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ.

Giá vốn của bất động sản chuyển nhượng được xác định theo chi phí ước tính căn cứ trên Tổng mức đầu tư ban đầu và các lần điều chỉnh được phê duyệt của các dự án và chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp khác liên quan tới việc đầu tư, xây dựng bất động sản.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm:
- Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	132.729.084	354.287.661
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	347.239.771	5.322.755.705
Cộng	479.968.855	5.677.043.366

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	10.526.510	15.158.330
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.526.510	15.158.330
Dài hạn	115.614.050.984	1.101.183.787
- Chi phí bán hàng dự án Vũ Trọng Phụng	1.102.768.234	1.101.183.787
- Chênh lệch giá trị góp vốn Dự án Việt Hưng (*)	114.511.282.750	-
Cộng	115.624.577.494	1.116.342.117

(*) Đây là khoản chênh lệch mua lại giá trị phần vốn góp của Công ty Cổ phần Minh Phát tại Dự án Việt Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.425.325	2.054.800	-	1.425.325
Cộng	1.425.325	2.054.800	-	1.425.325

6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT VÀ ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262.731.958.408	-	-	262.731.958.408
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	144.000.000.000	-	(*)	144.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	9.800.000.000	-	(*)	9.800.000.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Nghĩa Đô	108.931.958.408	-	(*)	108.931.958.408
Đầu tư vào đơn vị khác	26.846.596.000	(26.846.596.000)	-	26.846.596.000
+ Công ty Cổ phần Long Giang	10.000.000.000	(10.000.000.000)	(*)	10.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Cung cấp Giải pháp Kỹ thuật	3.000.000.000	(3.000.000.000)	(*)	3.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Descon	13.846.596.000	(13.846.596.000)	(*)	13.846.596.000
Cộng	289.578.554.408	(26.846.596.000)	(*)	289.578.554.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT VÀ ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

(*) Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu tại các đơn vị như sau:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
- Công ty Cổ phần TMDV Nghĩa Đô	1.003.049	49,46%	1.003.049	49,46%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	14.400.000	48,00%	14.400.000	48,00%
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	980.000	49,00%	980.000	49,00%
- Công ty Cổ phần Long Giang TSQ	1.000.000	10,00%	1.000.000	10,00%
- Công ty Cổ phần Cung cấp Giải pháp kỹ thuật	300.000		300.000	
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Descon	525.060	1,47%	525.060	1,47%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Dự phòng VND	VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	7.452.653.205	-	6.082.414.646	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	57.846.095	-	57.846.095	-
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	6.903.949.419	-	5.533.710.860	-
- Cá nhân là bên liên quan - Phải thu tiền mua căn hộ	490.857.691	-	490.857.691	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	148.111.013.215	(55.510.634.014)	258.888.117.843	(64.729.887.407)
- Phải thu bán căn hộ dự án Thành Thái	62.285.949.087	(2.578.911.310)	61.795.091.396	(2.578.911.310)
- Phải thu bán căn hộ dự án Vũ Trọng Phụng	4.832.505.751	(3.937.872.450)	4.980.010.669	(3.937.872.450)
- Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội	8.612.662.472	-	17.322.755.150	(9.219.253.393)
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	21.700.610.682	(21.700.610.682)	21.700.610.682	(21.700.610.682)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Long Giang	6.842.349.375	(6.842.349.375)	6.842.349.375	(6.842.349.375)
- Công ty Cổ phần Phải triển Thương mại Việt Nam	6.807.724.175	-	6.807.724.175	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	19.242.360.000	(3.851.621.039)	19.242.360.000	(3.851.621.039)
- Phải thu về chuyển nhượng cổ phần CTCP Minh Phát	-	-	101.562.618.000	-
- Các khách hàng khác	26.399.514.145	(16.599.269.158)	18.634.598.396	(16.599.269.158)
Cộng	155.563.666.420	(55.510.634.014)	264.970.532.489	(64.729.887.407)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho các bên liên quan	2.949.393.198	(2.949.393.198)	2.949.393.198	(2.949.393.198)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	2.749.393.198	(2.749.393.198)	2.749.393.198	(2.749.393.198)
- Ông Nguyễn Toàn Thắng	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
Trả trước cho các người bán khác	5.303.752.885	(2.082.255.250)	5.152.630.862	(2.082.255.250)
- Công ty TNHH Tư vấn đại học xây dựng	800.000.000	-	500.000.000	-
- Các đối tượng khác	4.503.752.885	(2.082.255.250)	4.652.630.862	(2.082.255.250)
Cộng	8.253.146.083	(5.031.648.448)	8.102.024.060	(5.031.648.448)

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cho vay bên liên quan	4.702.091.814	(4.702.091.814)	4.702.091.814	(4.702.091.814)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	4.702.091.814	(4.702.091.814)	4.702.091.814	(4.702.091.814)
Cho vay tổ chức, cá nhân khác	58.701.456.397	(5.121.460.239)	58.601.456.397	(5.121.460.239)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Long Giang (1)	1.451.963.657	-	1.451.963.657	-
- Ông Mai Thanh Phương	2.658.473.610	(2.658.473.610)	2.658.473.610	(2.658.473.610)
- Bà Trần Thị Cẩm Nhung (2)	22.000.000.000	-	22.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc (3)	28.000.000.000	-	28.000.000.000	-
- Các tổ chức và cá nhân khác	4.591.019.130	(2.462.986.629)	4.491.019.130	(2.462.986.629)
Cộng	63.403.548.211	(9.823.552.053)	63.303.548.211	(9.823.552.053)

- (1) Hợp đồng vay số 0406/2024/HĐVT/LGL-LGEC ngày 04/06/2024 và phụ lục số 03 ngày 04/06/2025, khoản vay có thời hạn tới 03/12/2025, lãi suất 7%/năm, không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng vay số 3112/2024/HĐVT/LGL-TTCN ngày 31/12/2024, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 4,2%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng vay số 3012/2024/HĐVT/LGL-NTMN ngày 30/12/2024, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 4,2%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	19.175.089.805	(12.499.000)	18.505.610.487	(12.499.000)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.114.879.750	-	1.796.987.272	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	1.852.038.657	-	1.534.146.179	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	262.841.093	-	262.841.093	-
<i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i>	17.060.210.055	-	16.708.623.215	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Long Giang	214.310.315	-	164.187.733	-
- Phải thu lãi cho vay	4.594.409.467	-	3.787.869.213	-
- Tạm ứng cho các cá nhân	10.416.926.855	-	6.572.670.056	-
- Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	-	5.000.552.000	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.834.563.418	(12.499.000)	1.183.344.213	(12.499.000)
Dài hạn	443.858.925.500	-	456.738.590.250	-
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	435.295.715.500	-	448.409.380.250	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	435.295.715.500	-	448.409.380.250	-
<i>Dự án khu đô thị Việt Hưng (*)</i>	429.873.785.500	-	448.409.380.250	-
<i>Các khoản khác</i>	5.421.930.000	-	-	-
<i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i>	8.563.210.000	-	8.329.210.000	-
- Ký cược, ký quỹ	8.563.210.000	-	8.329.210.000	-
+ Dự án Rivera Park Cần Thơ	8.279.210.000	-	8.279.210.000	-
+ Ký quỹ thuê tài chính	284.000.000	-	50.000.000	-
Cộng	463.034.015.305	(12.499.000)	475.244.200.737	(12.499.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(*) Phần vốn góp theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 0406/20210/HĐ-HTKD/LGL-LGG ngày 04/06/2010 và các phụ lục giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang (LGG). Theo đó, phần vốn góp của Công ty tại ngày 30/06/2025 là: 429.873.785.500 đồng (tương ứng với 67,5% vốn góp của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 04/06/2010/HĐ-HTKD/LGL-LGG) về việc hợp tác thực hiện Dự án Khu đô thị mới Việt Hưng, phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội. Sau khi Dự án hoàn thành, các bên sẽ thực hiện thu hồi phần vốn góp và phân chia lợi nhuận từ Dự án theo tỷ lệ góp vốn của các bên.

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
Dự án Rivera Park Cần Thơ (1)	96.280.526.403	-	94.809.925.598	-
Các dự án khác	89.377.715.716	-	88.750.040.932	-
Hàng hóa	6.902.810.687	-	6.059.884.666	-
Hàng hóa bất động sản	1.290.710.441	(1.290.710.441)	1.290.710.441	(1.290.710.441)
Dự án Thành Thái (2)	290.794.090.815	-	290.794.090.815	-
+ Lô A	279.053.516.504	-	279.053.516.504	-
+ Lô C	2.044.268.386	-	2.044.268.386	-
Dự án Vũ Trọng Phụng (3)	277.009.248.118	-	277.009.248.118	-
	11.740.574.311	-	11.740.574.311	-
Cộng	388.365.327.659	(1.290.710.441)	386.894.726.854	(1.290.710.441)

(1) Dự án “Tổ hợp Trung tâm Thương mại, văn phòng và nhà ở Rivera Park Cần Thơ” có quy mô 6.228m2 để xây nhà ở cao tầng, thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở biệt thự, nhà ở liên kết và các công trình kỹ thuật. UBND thành phố Cần Thơ đã có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, theo đó tiến độ thực hiện dự án là 27 tháng kể từ ngày được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đủ diện tích theo quy hoạch được duyệt. Công ty đang triển khai các thủ tục để xin cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục đầu tư, xây dựng khác theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

(2) Dự án đầu tư xây dựng chung cư Thành Thái theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0104/HTKD/LGL – VIE “V/v Hợp tác thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Chung cư Thành Thái tại Khu đất B29 số 7/28 đường Thành Thái, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh” ngày 01 tháng 4 năm 2014 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Nam - Vietradico. Tòa nhà chung cư lô C dự án Thành Thái (288 căn hộ kèm cơ sở hạ tầng) đã được cam kết bán toàn bộ cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 10 theo Hợp đồng mua bán ngày 13/12/2018, giá trị hợp đồng tạm tính là 252 tỷ VND (bao gồm thuế GTGT). Sở tài chính có Công văn số 5604/STC-ĐT về thông báo kết quả thẩm tra chi phí đối với Công trình lô C khu chung cư Thành Thái, Quận 10 (nay là phường Hòa Hưng, tp. Hồ Chí Minh là: 289.994.797.053 đồng. Giá trị chính thức của hợp đồng sẽ được điều chỉnh lại sau khi được Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh phê duyệt.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Sở tài chính gửi công văn số 4509/STC-ĐT gửi Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh xin chấp thuận giá trị đầu tư xây dựng 288 căn hộ tại lô C chung cư Thành Thái, phường 14, quận 10 (nay là phường Hòa Hưng, tp. Hồ Chí Minh).

(3) Dự án công trình xây dựng khu văn phòng, dịch vụ và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 396A/HTKD “V/v hợp tác thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu văn phòng, dịch vụ và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội” ngày 15 tháng 10 năm 2009 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tu bổ di tích và Thiết bị văn hóa Trung ương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	7.651.485.012	(7.651.485.012)	7.651.485.012	(7.651.485.012)
- Ông Nguyễn Toàn Thắng - Thành viên HĐQT	7.451.485.012	(7.451.485.012)	7.451.485.012	(7.451.485.012)
	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	62.982.858.503	(62.726.848.503)	72.202.111.896	(71.946.101.896)
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	21.700.610.682	(21.700.610.682)	21.700.610.682	(21.700.610.682)
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam	5.586.161.832	(5.586.161.832)	5.586.161.832	(5.586.161.832)
- Công ty Cổ phần Địa ốc COMA	956.866.074	(956.866.074)	956.866.074	(956.866.074)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Đồng Dương	235.628.628	(235.628.628)	235.628.628	(235.628.628)
- Công ty Cổ phần Long Việt	1.704.662.296	(1.704.662.296)	1.704.662.296	(1.704.662.296)
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	2.700.617.731	(2.700.617.731)	2.700.617.731	(2.700.617.731)
- Công ty Xây dựng số 1	725.814.494	(725.814.494)	725.814.494	(725.814.494)
- Công ty Delta	681.210.289	(681.210.289)	681.210.289	(681.210.289)
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	828.693.477	(828.693.477)	828.693.477	(828.693.477)
- Công ty Cầu 12	644.405.913	(644.405.913)	644.405.913	(644.405.913)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Long Giang	1.416.186.629	(1.416.186.629)	1.416.186.629	(1.416.186.629)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	3.851.621.039	(3.851.621.039)	3.851.621.039	(3.851.621.039)
- Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội	-	-	9.219.253.393	(9.219.253.393)
- Ông Nguyễn Tín - khách hàng mua căn hộ Rivera Park Hà Nội	3.937.872.450	(3.937.872.450)	3.937.872.450	(3.937.872.450)
- Bà Đặng Thị Thủy Trang - khách hàng mua căn hộ Rivera Park	2.578.911.310	(2.578.911.310)	2.578.911.310	(2.578.911.310)
Sài Gòn				
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.433.595.659	(15.177.585.659)	15.433.595.659	(15.177.585.659)
Cộng	70.634.343.515	(70.378.333.515)	79.853.596.908	(79.597.586.908)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	16.522.662.909	465.082.210	16.987.745.119
30/06/2025	16.522.662.909	465.082.210	16.987.745.119
HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2025	(16.234.851.672)	(465.082.210)	(16.699.933.882)
- Khấu hao trong kỳ	(287.811.237)	-	(287.811.237)
30/06/2025	(16.522.662.909)	(465.082.210)	(16.987.745.119)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	-	-
01/01/2025	287.811.237	-	287.811.237
30/06/2025	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 16.522.662.909 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 11.945.638.476 đồng).

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2025 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 0 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 287.811.237 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	1.399.131.816	6.896.297.141	8.295.428.957
30/06/2025	<u>1.399.131.816</u>	<u>6.896.297.141</u>	<u>8.295.428.957</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2025	(699.565.894)	(6.896.297.141)	(7.595.863.035)
- Khấu hao trong kỳ	(116.594.316)	-	(116.594.316)
30/06/2025	<u>(816.160.210)</u>	<u>(6.896.297.141)</u>	<u>(7.712.457.351)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	<u>699.565.922</u>	-	<u>699.565.922</u>
30/06/2025	<u>582.971.606</u>	-	<u>582.971.606</u>

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm Quản lý Bất động sản <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	160.000.000	160.000.000
30/06/2025	<u>160.000.000</u>	<u>160.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2025	(160.000.000)	(160.000.000)
30/06/2025	<u>(160.000.000)</u>	<u>(160.000.000)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	-	-
30/06/2025	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	11.787.884.082	11.787.884.082	23.859.936.757	23.859.936.757
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	4.231.385.751	4.231.385.751	5.580.176.187	5.580.176.187
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	3.899.079.189	3.899.079.189	3.899.079.189	3.899.079.189
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	111.687.261	111.687.261	111.687.261	111.687.261
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	3.545.731.881	3.545.731.881	3.545.731.881	3.545.731.881
- Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	-	-	10.723.262.239	10.723.262.239
Phải trả các nhà cung cấp khác	78.960.563.483	78.960.563.483	71.420.772.751	71.420.772.751
- Công ty Cổ phần Bất động sản Meco	14.906.802.770	14.906.802.770	14.906.802.770	14.906.802.770
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Long Giang	2.481.867.745	2.481.867.745	4.471.867.745	4.471.867.745
- Công ty TNHH Bình Yên	9.018.905.012	9.018.905.012	9.018.905.012	9.018.905.012
- Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	4.758.011.711	4.758.011.711	4.827.961.585	4.827.961.585
- Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	10.023.262.239	10.023.262.239	-	-
- Các nhà cung cấp khác	37.771.714.006	37.771.714.006	38.195.235.639	38.195.235.639
Cộng	90.748.447.565	90.748.447.565	95.280.709.508	95.280.709.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Người mua trả tiền trước Dự án Thành Thái	2.701.342.291	2.701.342.291	2.701.342.291	2.701.342.291
- Người mua trả tiền trước Dự án Vũ Trọng Phụng	2.176.527.317	2.176.527.317	2.176.527.317	2.176.527.317
- Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội	2.866.280.352	2.866.280.352	2.015.918.225	2.015.918.225
- Các khách hàng khác	670.942.207	670.942.207	955.188.707	955.188.707
Cộng	8.415.092.167	8.415.092.167	7.848.976.540	7.848.976.540

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số đã thực nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2025	
	VND	VND	Số phải nộp trong kỳ	VND	Số đã thực nộp trong kỳ	VND	Số đã thực nộp trong kỳ	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.548.488.309	-	-	5.186.721.125	35.361.767.184			
- Thuế thu nhập cá nhân	2.258.915.085	500.952.420	-	-	2.759.867.505			
- Thuế bảo vệ môi trường	45.339.657	-	-	-	45.339.657			
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-			
- Phạt chậm nộp thuế	24.161.809.679	630.788.165	-	-	24.792.597.844			
Cộng	67.014.552.730	1.134.740.585	5.189.721.125	62.959.572.190				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC (TIẾP)

	01/01/2025	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	689.843.294	-	-	689.843.294
Cộng	689.843.294	-	-	689.843.294

Thông tin khác:

Trong năm 2020, Công ty đã nhận được các Quyết định số 16221/QĐ-CT-QLN ngày 30/3/2020 và Quyết định số 45539/QĐ-CT-QLN ngày 3/6/2020 của Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội về việc cưỡng chế thuế và thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, theo đó Cơ quan Thuế thông báo hóa đơn của công ty không còn giá trị sử dụng kể từ ngày 8/6/2020 đến 7/6/2021. QĐ sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Công ty nộp đủ tiền Thuế, tiền phạt chậm nộp thuế.

Đến ngày 30/06/2025, Long Giang vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế đã kê khai với cơ quan thuế đối với các khoản thuế TNDN, thuế TNCN và các khoản phạt chậm nộp thuế, theo đó vẫn chưa được thu hồi quyết định cưỡng chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2025		Trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	283.817.263.801	283.817.263.801	188.763.845.757	155.056.293.735	250.109.711.779	250.109.711.779
Vay ngắn hạn	232.488.769.648	232.488.769.648	137.588.346.606	154.903.298.733	249.803.721.775	249.803.721.775
Vay tổ chức không phải tổ chức tín dụng (*)	59.731.210.533	59.731.210.533	38.495.000.000	41.732.606.731	62.968.817.264	62.968.817.264
Vay cá nhân (**)	141.487.559.115	141.487.559.115	67.593.346.609	62.229.827.911	136.124.040.417	136.124.040.417
Vay ngân hàng (***)	31.270.000.000	31.270.000.000	31.499.999.997	50.940.864.091	50.710.864.094	50.710.864.094
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	152.995.002	152.995.002	-	152.995.002	305.990.004	305.990.004
- Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	152.995.002	152.995.002	-	152.995.002	305.990.004	305.990.004
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	152.995.002	152.995.002	-	152.995.002	305.990.004	305.990.004
Vay dài hạn đến hạn trả	51.175.499.151	51.175.499.151	51.175.499.151	-	-	-
- Vay cá nhân (**)	51.150.000.000	51.150.000.000	51.150.000.000	-	-	-
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	25.499.151	25.499.151	25.499.151	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	25.499.151	25.499.151	25.499.151	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	51.175.499.151	71.175.499.151	71.175.499.151
- Vay cá nhân (**)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	51.150.000.000	71.150.000.000	71.150.000.000
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	-	-	-	25.499.151	25.499.151	25.499.151
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	-	-	-	25.499.151	25.499.151	25.499.151
Cộng	303.817.263.801	303.817.263.801	188.763.845.757	206.231.792.886	321.285.210.930	321.285.210.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết về các khoản vay như sau:

STT	Bên cho vay	Hợp đồng vay	Mục đích	Số dư tại ngày 30/06/2025	Số dư tại ngày 01/01/2025	Kỳ hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Tài sản bảo đảm
(*) Vay tổ chức không phải tổ chức tín dụng								
1	Công ty Cổ phần TMDV Nghĩa Đô	Hợp đồng vay ngày 22/11/2013; Hợp đồng nguyên tắc số 01/2025/HĐVT/ LGL-NĐ ngày 20/4/2025	Phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty	59.731.210.533	62.968.817.264	12 tháng	9%	Cổ phần của CTCP TMDV Nghĩa Đô
2	Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy		Các khoản hợp tác đầu tư, góp vốn thuộc Dự án Trung tâm Thương mại, dịch vụ, văn phòng và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, Hà Nội", theo đó, các bên sẽ được hưởng lợi nhuận sau thuế cố định mà không ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh của dự án	9.300.000.000	16.000.000.000			
Công ty Cổ phần Đại Ốc Bách Việt								
3	Công ty cổ phần tu bổ di tích và thiết bị văn hóa trung ương	31/12/2024/HĐVT/L GL-VNRM ngày 31/12/2024	Phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty	200.000.000	600.000.000	3 tháng	0%	Không có tài sản bảo đảm
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vạn Xuân	Số 04/2011/VX ngày 09/05/2011	Phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty	4.338.990.000	4.338.990.000	không có kỳ hạn	0%	Không có tài sản bảo đảm
5	Công ty TNHH TBM Sài Gòn Hà Nội	1801/2024/HĐVT/L GL-TBM ngày 18/01/2024	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	1.113.000.000	3.978.000.000	3 tháng	3,5%	Không có tài sản bảo đảm
6	Công ty Cổ phần BĐS May Thuê Việt Hưng	01/2024/HĐVT/ LGL-VH; 02/2024/HĐVT/ LGL-VH	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	2.410.000.000	1.360.000.000	12 tháng	9%	Không có tài sản bảo đảm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

SIT	Bên cho vay	Hợp đồng vay	Mục đích	Số dư tại ngày 30/06/2025	Số dư tại ngày 01/01/2025	Kỳ hạn vay	Lãi suất (%/năm) đầm	Tài sản bảo đảm
7	Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội	2504/2024/HĐVT/L GL-RHN ngày 25/04/2024; 1506/2024/HĐVT/ LGL-RHN ngày 15/06/2024; 2126/2024/HĐVT/L GL-RHN ngày 21/06/2024	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	24.050.000.000	24.090.000.000	5-6 tháng	8,8%-12%	Không có tài sản bảo đảm
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	2112/2024/HĐVT/L GL-RI ngày 21/12/2024 và các phụ lục	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	10.065.000.000	6.250.000.000	Theo từng phụ lục hợp đồng	Theo từng phụ lục hợp đồng	Không có tài sản bảo đảm
9	Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	3006/2025/HĐVT/L GL-XT ngày 30/06/2025	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	880.000.000	-	Theo từng phụ lục hợp đồng	Theo từng phụ lục hợp đồng	Không có tài sản bảo đảm
(**)	Các khoản vay cá nhân		Bổ sung vốn thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh	212.637.559.115	207.274.040.417	03-12 tháng	4,7- 13,5%	Không có tài sản bảo đảm
(***)	Vay ngân hàng			31.270.000.000	50.710.864.094			
10	Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Đồng Đa Hà Nội	1420-LAV- 202401041 ngày 30/12/2024	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	31.270.000.000	43.482.856.576	Theo từng lần nhận nợ	các tài sản thuộc sở hữu của các bên liên quan	
11	Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - CN Hà Nội	0050/2023/HĐTD- OCB-SME ngày 24/8/2023	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng, thanh toán lương và chi phí BHXH cho các cán bộ công nhân viên	-	7.228.007.518	Theo từng lần nhận nợ	các tài sản thuộc quyền sở hữu của các bên liên quan và hai (02) xe Santafe thuộc tài sản của Công ty	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	502.442.627	502.442.627
- Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.570.739.514	678.238.467
Cộng	2.073.182.141	1.180.681.094

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ khen thưởng	10.531.512.357	10.587.924.357
- Quỹ phúc lợi	7.075.183.113	7.101.447.076
- Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	448.389.094	448.389.094
Cộng	18.055.084.564	18.137.760.527

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	86.160.313.186	206.901.946.818
<i>Phải trả các bên liên quan (*)</i>	3.054.898.715	24.673.290.706
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	83.105.414.471	182.228.656.112
- Kinh phí bảo trì dự án	20.506.128.078	20.706.128.078
- Phí quản lý căn hộ dự án	355.086.235	355.086.235
- Cổ tức phải trả	550.163.510	550.163.510
- CTCP Tu bổ di tích và Thiết bị văn hóa Trung ương	-	54.813.605.908
+ <i>Tạm tính kết quả HTKD dự án Vũ Trọng Phụng</i>	-	39.476.200.000
+ <i>Lãi chậm trả</i>	-	15.337.405.908
- Công ty Cổ phần Địa ốc Bách Việt- Phải trả tiền HTKD dự án Vũ Trọng Phụng	10.611.518.428	10.611.518.428
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Việt Nam- Phải trả tiền HTKD dự án Thành Thái	-	53.666.574.364
- Nhận ký quỹ, ký cược các dự án BĐS	4.056.245.759	4.056.245.759
- Phải trả khách hàng thanh lý HĐ mua căn hộ	13.582.280.809	13.582.280.809
- Lãi vay phải trả các tổ chức, cá nhân khác	22.809.655.598	16.321.009.036
- Phí mượn tài sản của cá nhân để thế chấp	4.097.955.440	3.684.450.437
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.536.380.614	3.881.593.548
Dài hạn	138.605.417.466	-
<i>Phải trả các bên liên quan (*)</i>	28.737.365.334	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	109.868.052.132	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Việt Nam- Phải trả HTKD dự án Thành Thái (**)	53.666.574.364	-
- CTCP Tu bổ di tích và Thiết bị văn hóa Trung ương (**)	56.201.477.768	-
+ <i>Tạm tính kết quả HTKD dự án Vũ Trọng Phụng</i>	39.476.200.000	-
+ <i>Lãi chậm trả</i>	16.725.277.768	-
Cộng	224.765.730.652	206.901.946.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)

(*) Chi tiết các khoản phải trả khác với bên liên quan

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	3.054.898.715	24.673.290.706
Phải trả các bên liên quan	3.054.898.715	24.673.290.706
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	701.917.811	701.917.811
- Công ty Cổ phần TMDV Nghĩa Đô	275.512.482	138.401.362
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	675.061.095	600.931.507
- CTCP Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	15.770.039	15.770.039
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	-	21.887.211.223
+ <i>Tạm tính kết quả HTKD dự án Vũ Trọng Phụng</i>	-	10.900.142.468
+ <i>Phải trả lãi vay</i>	-	10.987.068.755
- Thù lao HĐQT, BKS	1.208.888.889	1.208.888.889
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	177.748.399	120.169.875
Dài hạn	28.737.365.334	-
Phải trả các bên liên quan	28.737.365.334	-
- Công ty cổ phần đầu tư Rivera - Hợp tác kinh doanh dự án Cần Thơ	6.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy (**)	22.137.365.334	-
+ <i>Tạm tính kết quả HTKD dự án Vũ Trọng Phụng</i>	11.150.117.264	-
+ <i>Phải trả lãi vay</i>	10.987.248.070	-

(**) Công ty đã làm việc với các đối tác để gia hạn các khoản phải trả liên quan tới Lợi nhuận của các hợp đồng hợp tác kinh doanh và phần lãi phát sinh tương ứng. Theo đó, các khoản phải trả này được các bên đồng ý gia hạn thời gian thanh toán 24 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	515.000.000.000	1.425.992.965	(43.500.000)	42.696.514.304	20.954.525.811	152.547.432.090	732.580.965.170
- Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	(55.521.267.614)	(55.521.267.614)
31/12/2024	515.000.000.000	1.425.992.965	(43.500.000)	42.696.514.304	20.954.525.811	97.026.164.476	677.059.697.556
01/01/2025	515.000.000.000	1.425.992.965	(43.500.000)	42.696.514.304	20.954.525.811	97.026.164.476	677.059.697.556
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	6.178.212.233	6.178.212.233
30/06/2025	515.000.000.000	1.425.992.965	(43.500.000)	42.696.514.304	20.954.525.811	103.204.376.709	683.237.909.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	515.000.000.000	515.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	515.000.000.000	515.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

23.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.500.000	51.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.500.000	51.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	51.500.000	51.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.900	2.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.900	2.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.497.100	51.497.100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	51.497.100	51.497.100
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Doanh thu bán hàng	31.514.240.348	14.789.586.777
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.265.788.413	8.186.746.995
Cộng	39.780.028.761	22.976.333.772

Doanh thu với các bên liên quan: Được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 34.2

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	31.565.404.560	14.827.467.860
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.759.554.824	6.974.346.385
Cộng	39.324.959.384	21.801.814.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Lãi cho vay, đầu tư trái phiếu	1.173.509.720	298.719.371
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	719.213	1.385.319
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.280.000.000	-
Cộng	18.454.228.933	300.104.690

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay, lãi đảm bảo thực hiện hợp đồng	13.605.595.116	13.121.056.749
- Chi phí hợp tác kinh doanh	299.969.755	418.849.318
Cộng	13.905.564.871	13.539.906.067

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.990.655.822)	5.919.166.724
- Chi phí nhân viên quản lý	3.816.783.393	3.534.730.775
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.631.820	1.250.001
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	404.405.553	517.807.536
- Thuế, phí và lệ phí	33.699.825	17.154.799
- (Hoàn nhập)/dự phòng nợ phải thu khó đòi	(9.219.253.393)	(284.619.838)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.969.076.980	2.132.843.451

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nhân công	3.816.783.393	3.534.730.775
- Khấu hao tài sản cố định	404.405.553	517.807.536
- (Hoàn nhập)/dự phòng nợ phải thu khó đòi	(9.219.253.393)	(284.619.838)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.766.963.449	9.125.594.636
Cộng	5.768.899.002	12.893.513.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

30. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Phạt do vi phạm hợp đồng	181.302.427	182.304.098
- Lãi chậm nộp thuế	630.788.165	5.363.000.861
- Các khoản chi phí khác	4.086.436	12.600.274
Cộng	816.177.028	5.557.905.233

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.178.212.233	(23.455.570.158)
Trong đó		
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	6.178.212.233	(23.455.570.158)
Lợi nhuận từ hoạt động KD BĐS	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(10.104.079.737)	5.363.000.861
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.175.920.263	5.363.000.861
Lãi chậm nộp thuế, BHXH	630.788.165	5.363.000.861
Chi phí khấu hao xe ô tô trên 1,6 tỷ VND	58.727.778	-
Chi phí lãi vay không được trừ	6.482.317.884	-
Chi phí không được trừ khác	4.086.436	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(17.280.000.000)	-
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(17.280.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế	(3.925.867.504)	(18.092.569.297)
Trong đó		
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	(3.925.867.504)	(18.092.569.297)
Thu nhập tính thuế	(3.925.867.504)	(18.092.569.297)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

32. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	6.178.212.233	(23.455.570.158)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành	51.497.100	51.497.100
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	120	(455)
Lãi/(Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	120	(455)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo theo các bộ phận kinh doanh này:

Kỳ này

Chỉ tiêu	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng toàn Công ty VND
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.514.240.348	8.265.788.413	39.780.028.761
Tổng lãi kế toán trước thuế	4.894.457.629	1.283.754.604	6.178.212.233
TÀI SẢN			
Tài sản không phân bổ theo bộ phận			1.395.049.894.297
Tổng tài sản			1.395.049.894.297
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			711.811.984.508
Tổng nợ phải trả			711.811.984.508

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng toàn Công ty VND
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.789.586.777	8.186.746.995	22.976.333.772
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.098.065.414)	(8.357.504.744)	(23.455.570.158)
TÀI SẢN			
Tài sản không phân bổ theo bộ phận			673.993.152.613
Tổng tài sản			673.993.152.613
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			718.492.564.661
Tổng nợ phải trả			718.492.564.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

34.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan cá nhân

Trong 6 tháng đầu năm 2025, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách công bố thông tin và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

Danh sách các bên liên quan tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần TMDV Nghĩa Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác bất động sản Rivera Homes	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS - May thuê Việt Hưng	Bên liên quan của thành viên BKS
Công ty TNHH Tư vấn Đại học Xây dựng	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Đô thị Hà Nội - UAC	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Long Giang IDC	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Long Giang	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty CP Năng lượng và bất động sản MCG	Bên liên quan của thành viên HĐQT

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Ông Nguyễn Mạnh Hà – Tổng Giám đốc	374.660.000	327.130.000
Ông Lê Quốc Trung – Phó Tổng Giám đốc	108.494.618	251.378.000
Bà Phùng Thị Thanh Giang – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	275.636.000	270.500.000
Ông Nguyễn Trọng Khoa – Phó Tổng Giám đốc	255.500.000	242.375.000
Ông Lê Văn Ký – Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị	90.000.000	90.500.000
Bà Đặng Thị Loan – Kế toán trưởng	175.315.569	162.536.143
	1.279.606.187	1.344.419.143

Trong 6 tháng đầu năm 2025, ngoại trừ các thành viên nêu trên, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát khác chưa nhận được lương, thù lao tại Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

34.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 (VND)
Ông Nguyễn Mạnh Hà – Tổng Giám đốc		
- Phí mượn tài sản	57.578.524	57.904.557
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Nghĩa Đô		
- Chi phí lãi vay phải trả	81.542.733	93.839.381
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes		
- Doanh thu tiền điện, nước	5.844.497.547	5.905.024.804
Công ty cổ phần Đầu tư Rivera		
- Cổ tức đã nhận	16.800.000.000	-
- Góp vốn hợp tác kinh doanh	6.600.000.000	-
- Doanh thu tiền điện, nước	-	46.393.069
- Chi phí thi công, sửa chữa lô A, B Dự án Thành Thái phải trả	-	6.551.284.287
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang		
- Góp vốn hợp tác kinh doanh	101.397.618.000	-
- Cung cấp dịch vụ	1.996.620.355	-
- Chi phí văn phòng phải trả	725.112.274	315.944.841
Công ty cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy		
- Chi phí thuê mặt bằng	-	131.551.800
- Tạm tính kết quả phân chia hợp tác kinh doanh dự án Vũ Trọng Phụng	250.154.111	335.079.454

Cam kết bảo lãnh

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2021, 2023, 2024 và 2025, Công ty đã chấp thuận cấp các bảo lãnh cho các bên liên quan bao gồm:

- Bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất Động sản Rivera Homes liên quan tới hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản bảo lãnh được thế chấp bằng xe ô tô 4 chỗ BMW và 2 xe Toyota Lancruiser thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty.
- Bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán của các cá nhân ông Mai Hoàng Anh, bà Nguyễn Thị Thu Hương và bà Đỗ Thị Quỳnh Thơ bằng 580.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô thuộc quyền sở hữu của Công ty cho khoản vay của cá nhân tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

35. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Loan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Mạnh Hà